TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ ĐỨC** **T PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14-01-2025
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – T PHỐ HÀ NỘI

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Mạnh Tưởng.
Ông Nguyễn Tiến Bộ.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Hoàng Thị Ngọc Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, T phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, T phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Nhâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08/01/2025 và ngày 14/01/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, T phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên toà số 05/2025/QĐST-DS ngày 08/01/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996.
Nơi cư trú: xóm 1, thôn P, xã P, huyện M, T phố H.
- *Bị đơn:* anh Trần Đại T, sinh năm 1995.
Nơi cứ trú: xóm 1, thôn P, xã P, huyện M, T phố H.
(Tại phiên toà, nguyên đơn và bị đơn có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Đại T, sinh năm 1995 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phúc Lâm, huyện Mỹ Đức, T phố Hà Nội vào ngày 25/12/2020. Sau khi kết hôn anh chị làm lao động tự do và sinh sống tại xã Phúc Lâm. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, hoà thuận đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và trầm trọng nhất là năm 2024. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù đã cố gắng để hàn gắn, được gia

đình hai bên khuyên giải nH1 đều không có kết quả. Thực tế vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2022 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh Trần Đại T có 01 con chung là cháu Trần Bảo H1, sinh ngày 02/10/2021. Từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung đang ở với chị, cháu được chăm sóc đảm bảo tốt. Hiện cháu còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Nay ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị H làm công việc tự do, thu nhập hàng tháng khoảng 20 triệu đồng, thời gian đi làm 1 tuần khoảng 3 - 4 ngày nên đảm bảo đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Trần Đại T trình bày: Anh và chị H tự nguyện kết hôn, anh xác nhận thời điểm đăng ký kết hôn như chị H đã trình bày. Tuy nhiên sau khi cưới một thời gian do chị H làm ở Sơn Tây nên tạo điều kiện cho hai mẹ con có nhiều thời gian chăm sóc, anh T đồng ý cho chị H về nhà bố mẹ đẻ chị H ở Sơn Tây để sinh sống, vùa đi làm, vừa chăm sóc con chung. Anh T cho rằng, giữa anh và chị H có phát sinh mâu thuẫn nhỏ và xảy ra cãi vã nhỏ nhặt trong cuộc sống mà vợ chồng nào cũng có. Do công việc của chị H làm ở thị xã Sơn Tây, còn công việc của anh làm ở Hà Nội nên anh thường phải chạy đi chạy lại hai nơi, chứ không phải sống ly thân. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của anh không đồng ý và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nH1 cho dù anh đã cố gắng, chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn nên anh cũng đồng ý ly hôn và không đề nghị Toà án tiến hành hoà giải nữa.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu cháu Trần Bảo H1, sinh ngày 02/10/2021. Hiện con chung đang ở với chị H. Mặc dù anh làm thì vẫn về nhà 2 mẹ con ở để cùng chăm sóc con chung, vẫn gửi tiền để cùng chị H chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Nay ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, anh T làm kỹ sư xây dựng, thu nhập hàng tháng khoảng 15 triệu đồng, thời gian làm việc từ thứ 2 đến thứ 7 (sáng đi làm tối về nhà) nên anh có đủ điều kiện kinh tế, thời gian để chăm sóc con.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: anh xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Đại T. Vè con chung chị có thay đổi lời khai, chị trình bày vợ chồng chị không có con chung mà trước khi kết hôn với anh T chị đã yêu và chung sống như vợ chồng với người đàn ông khác, sau khi chấm dứt quan hệ yêu đương với người đàn ông ban đầu, chị kết hôn với anh T ngay mà không có

thời gian tìm hiểu nên chị có nghi ngờ về con chung. Tại phiên tòa chị H đề nghị Toà án tiến hành trưng cầu giám định để xác định cháu Trần Bảo H1, sinh ngày 02/10/2021 là con riêng của chị.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Đại T nhất trí ly hôn, về con chung: Anh nhất trí với yêu cầu của chị H đề nghị Toà án tiến hành trưng cầu giám định để xác định cháu Trần Bảo H1, sinh ngày 02/10/2021 là con riêng của chị H hay là con chung của hai vợ chồng.

Toà án đã quyết định tạm ngừng phiên toà để tiến hành trưng cầu giám định theo Quyết định trưng cầu giám định số 04/2025/QĐ-TCGĐ ngày 08/01/2025 của TAND huyện Mỹ Đức đối với anh Trần Đại T với cháu Trần Bảo H1, sinh ngày 02/01/2021. Căn cứ Hồ sơ xét nghiệm ADN kèm theo Bản kết luận giám định ADN ngày 10/01/2025 của Công ty TNHH Đầu tư và công nghệ GenPlus xác định: "Trần Đại T không có quan hệ huyết thống bố con với Trần Bảo H1". Tại phiên toà nguyên đơn và bị đơn đều nhất trí với kết quả giám định ADN và không có ý kiến gì. Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh T, đề nghị Toà án xác định cháu Trần Bảo H1 là con riêng của chị và giữa chị và anh T không có con chung. Bị đơn anh T đồng ý ly hôn và vấn đề con chung như chị H đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức phát biểu ý kiến về quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự, không có vi phạm gì, đã xác định đúng tư cách của đương sự, giải quyết đúng thời hạn của vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Đại T. Về con chung: anh T và chị H không có con chung; xác định cháu Trần Bảo H1, sinh ngày 02/10/2021 là con riêng của chị Nguyễn Thị H. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có và không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Trần Đại T có nơi cư trú tại xóm 1, thôn Phúc Lâm Thượng, xã Phúc Lâm, huyện Mỹ Đức, đã nộp tạm ứng án phí là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là

tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, T phố Hà Nội.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đại T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/12/2020 tại UBND xã Phúc Lâm, huyện Mỹ Đức, T phố Hà Nội đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trình bày của chị H và anh T thể hiện: Giữa vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2022 và trầm trọng nhất vào năm 2024 do bất đồng trong quan điểm lối sống. Quá trình giải quyết vụ án, cả chị H và anh T đều nhất trí ly hôn vì chi H không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Hội đồng xét xử cần chấp nhận là không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

- Về con chung: Căn cứ vào trình bày của đương sự, vào Kết luận giám định ADN số 10T01/23/DNA ngày 10/01/2025 của Công ty TNHH Đầu tư và công nghệ GENPLUS kết luận: "Trần Đại T không có quan hệ huyết thống bố - con với Trần Bảo H1" Nguyên đơn bị đơn cũng nhất trí với kết luận giám định AND này nên Hội đồng xét xử xác định: Chị H và anh T không có con chung. Xác định cháu H1 là con riêng của chị H. Vì vậy, nghĩa vụ nuôi dưỡng, thăm nom đối với cháu Trần Bảo H1 không đặt ra đối với anh Trần Đại T.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T đều xác nhận không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84, 88, 101, 102 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Đại T.

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đại T không có con chung.

Xác định cháu Trần Bảo H1, sinh ngày 02/10/2021 (Theo giấy khai sinh số 156, đăng ký khai sinh ngày 12/10/2021 tại UBND xã Phúc Lâm, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội) là con riêng của chị Nguyễn Thị H. Giao cháu Trần Bảo H1 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục.

Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đại T có quyền liên hệ cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền để thực hiện cải chính hộ tịch theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đại T đều trình bày không có tài sản chung và nợ chung vợ chồng.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0008101 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, T phố Hà Nội.

5. Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- UBND xã Phúc Lâm (nơi đăng ký kết hôn);
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Hồng